

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 8 - 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Châu Thị Lệ

2- Ông Hồ Xuân Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1586/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1989; Địa chỉ: số nhà B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2 - Bị đơn: Anh Phạm Thành N, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm D, khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: chị và anh Phạm Thành N qua mai mối và tìm hiểu thời gian ngắn rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã (nay là phường) Nhơn Thành vào tháng 3/2010. Sau khi cưới, vợ chồng vào Thành phố Hồ

Chí Minh lập nghiệp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khi chị sinh người con đầu thì cuộc sống chung bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không thể khắc phục được và tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nguyên nhân chính xuất phát từ điều kiện kinh tế. Khi chị mang thai cháu **Phạm Anh Q** được 07 tháng thì mâu thuẫn vợ chồng càng gay gắt nên sau khi chị sinh con vợ chồng quyết định sống ly thân. Chị và anh **N** sống ly thân đã lâu, hiện mỗi người đã có cuộc sống riêng, nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn anh **N**.

Chị và anh **N** có 02 con chung: **Phạm Như Q1**, sinh ngày 05/02/2011 và **Phạm Anh Q**, sinh ngày 27/02/2013, hiện đang sống với anh **N** và gia đình chồng. Ly hôn, chị và anh **N** có thỏa thuận giao 02 con chung cho anh **N** trực tiếp nuôi dưỡng, có xem xét nguyện vọng của con. Anh **N** yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con **Phạm Như Q1** 2.000.000đồng/tháng là quá cao so với khả năng của chị. Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con **Phạm Như Q1** 1.000.000đ/tháng. Nếu anh **N** không đồng ý thì giao con **Phạm Như Q1** cho chị nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Phạm Thành N** trình bày:* thống nhất lời trình bày của chị **Nguyễn Thị Thu T** về thời gian, điều kiện đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng vào Thành phố Hồ Chí Minh lập nghiệp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khi vợ sinh cháu **Phạm Như Q1** thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ vấn đề kinh tế. Chị **T** hay so sánh và cho rằng anh không bằng bạn bè, từ đó vợ chồng thường xuyên kinh cãi. Mâu thuẫn cứ âm ỉ kéo dài và không khắc phục được nên quyết định không sống chung. Anh và chị **T** ly thân đã 9 năm, không liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên anh đồng ý ly hôn.

Anh và chị **T** có 02 người con chung: **Phạm Như Q1**, sinh ngày 05/02/2011 và **Phạm Anh Q**, sinh ngày 27/02/2013, hai con sống với anh từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con **Phạm Như Q1** mỗi tháng 2.000.000đồng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đối với vụ án từ giai đoạn thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Phạm Thành N; giao 02 con chung là Phạm Như Q1, sinh ngày 05/02/2011 và Phạm Anh Q, sinh ngày 27/02/2013 cho anh Phạm Thành N trực tiếp nuôi dưỡng, buộc chị Nguyễn Thị Thu T cấp dưỡng nuôi con Phạm Như Q1 mỗi tháng 2.000.000đồng; về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: chị Nguyễn Thị Thu T và anh Phạm Thành N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Phạm Thành N tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị T và anh N đều xác định quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, không khắc phục được, nên cả hai đã tự chấm dứt cuộc sống hôn nhân. Chị T yêu cầu ly hôn và được anh N đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, chị T có đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử. Xét, hôn nhân của chị T và anh N đã trầm trọng, cả hai không còn chung sống với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Phạm Thành N có 02 con chung là Phạm Như Q1, sinh ngày 05/02/2011 và Phạm Anh Q, sinh ngày 27/02/2013. Xét, hai con chung được anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Qua tiếp xúc, sức khỏe, tinh thần của các cháu phát triển tốt và đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với anh N. Để ổn định tâm lý cũng như tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và học tập của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, quyết định giao 02 con chung cho anh Phạm Thành N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Thành N yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T cấp dưỡng nuôi người con Phạm Như Q1 mỗi tháng 2.000.000đồng. Chị T chỉ chấp nhận cấp dưỡng nuôi cháu Q1 mỗi tháng 1.000.000đ. Xét, cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm, nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Căn cứ vào khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao: “Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập

của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con". Căn cứ vào khả năng thực tế của chị **T**, nhu cầu thiết yếu của cháu **Q1** và mức sống tại địa bàn **thị xã A** thì mức cấp dưỡng nuôi con hằng tháng 2.000.000đồng là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị **Nguyễn Thị Thu T** và anh **Phạm Thành N** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị **Nguyễn Thị Thu T** phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q2; Khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thu T**. Cho chị **Nguyễn Thị Thu T** ly hôn anh **Phạm Thành N**.

2. Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao cháu **Phạm Như Q1**, sinh ngày 05/02/2011 và cháu **Phạm Anh Q**, sinh ngày 27/02/2013 cho anh **Phạm Thành N** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên

hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị **Nguyễn Thị Thu T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con **Phạm Như Q1** mỗi tháng 2.000.000(hai triệu) đồng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị **Nguyễn Thị Thu T** và anh **Phạm Thành N** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. *Về án phí sơ thẩm:* Chị **Nguyễn Thị Thu T** phải chịu 300.000(ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000(ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng. Chị **Nguyễn Thị Thu T** được trừ 300.000(ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005468 ngày 21/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn nên còn phải nộp 300.000(ba trăm nghìn) đồng.

5. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- UBND phường Nhơn Thành;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ái Phượng

